



bǎi zhě qún

百褶裙

noun · pleated skirt

Example Sentences

Tā chuān le yī tiáo bǎi zhě qún
她穿了一条百褶裙。

She wore a pleated skirt.

Zhè tiáo bǎi zhě qún shì lán sè de
这条百褶裙是蓝色的。

This pleated skirt is blue.

Bǎi zhě qún zài xià tiān hěn liú xíng
百褶裙在夏天很流行。

Pleated skirts are very popular in summer.

Trace each character, then write the word on your own.

百	百	百	百	百	百	百	百	百		
褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶
褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶	褶			
裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙	裙
裙	裙	裙	裙							